

HẢI TẶC TRUNG HOA

THỜI VƯƠNG TRIỀU NGUYỄN

TS. Huỳnh Ngọc Đáng¹

Hải tặc Trung Hoa đã từng làm mưa làm gió trên biển Đông, gây biết bao kinh hoàng cho ngư dân và cư dân ven bờ. Dưới thời triều Nguyễn, vấn nạn hải tặc Trung Hoa luôn là nỗi ám ảnh suốt các đời vua.

Sử sách triều Nguyễn thường gọi bọn hải tặc Trung Hoa là Thanh thuyền hải phi 靑船海匪. Từ *hải phi* ở đây là để phân biệt với *thủy phi* là giặc cướp trên sông. Đáng chú ý là sách vở chính thống của triều Nguyễn chỉ dùng từ *hải phi* chứ không dùng các từ có cùng nghĩa như *hải tặc* 海賊, hoặc *hải đạo* 海盜. Tuy nhiên, có hai tên gọi khác đáng lưu ý hơn: *cướp biển Tề Ngôi* (Tề Ngôi hải phi 齊桅海匪) và *cướp biển Tàu Ô*.

Tên gọi cướp biển Tề ngôi chỉ xuất hiện ít trong bộ Thực Lục của triều Nguyễn và chỉ có trong các tập ghi chép các sự kiện lịch sử thời đầu Gia Long. *Tề* 齊 có nghĩa là bằng nhau, không so le...; *ngôi* 桅 (còn đọc là nguy) là cột buồm; *Tề ngôi* (hay Tề nguy) là chỉ những thuyền có cột buồm cao, cánh buồm to nhưng cột buồm cao ngang bằng nhau (không cột cao cột thấp như thuyền của người Việt). Đó là hình dáng của các thuyền thường được đóng ở vùng duyên hải Nam Trung Hoa, thường có tải trọng lớn, vận tốc đi lại nhanh. Sách sử triều Nguyễn chép rằng quan quân của Gia Long sau khi đánh bại Tây Sơn đã tấn

¹ Hội Khoa học Lịch sử tỉnh Bình Dương. Email: huynhngocdang@gmail.com

công các Tề Ngồi hải phi, bắt được nhiều đầu lĩnh giặc, cho giao trả về Trung Quốc để Mãn Thanh xét xử.

Tên gọi cướp biển Tàu Ô có nhiều cách giải thích.

Đại Nam Quốc âm Tự vị của Huỳnh Tịnh Của chú rằng Tàu Ô là *tàu sơn ô* (tức màu đen), *thường là tàu kẻ cướp*². Cách giải thích này trùng với cách hiểu thông thường cho rằng Tàu Ô là những tàu, thuyền sơn đen mà bọn cướp biển Trung Hoa thường hay sử dụng. Ở đây, cách hiểu tên gọi chủ yếu dựa vào màu sắc, chữ *tàu* chỉ có nghĩa là tàu, thuyền, chứ không là tên gọi chỉ người Trung Hoa (người Tàu) như sau này có một số người đã tùy tiện suy luận.

Gần đây trong một bài viết về đề tài này, một tác giả khác cho rằng:

*“...Riêng chữ Ô Tàu hải phi, theo nhà Nghiên cứu Phạm Hoàng Quân là dùng để chỉ người cầm đầu toán cướp biển Tề Ngồi, tên Ô Thạch Nhị [烏石二]; nên Ô Tàu hải phi được hiểu là “tàu cướp biển của họ Ô”. Còn Đại Thanh Thực lục ghi Ô Tàu An Nam là nhằm né tránh và đổ tội cho toán cướp biển Ô Thạch Nhị là của Việt Nam. Ý kiến này xét thấy hợp lý, vì chưa thấy chữ Ô Tàu hải phi được dùng cho các toán cướp biển khác...”*³

Thực tế cho thấy, suốt từ thời Tây Sơn đến cuối thời triều Nguyễn đã có hàng trăm toán cướp biển Trung Hoa có tên họ khác nhau chứ không chỉ có một nhóm họ Ô của Thạch Nhị. Do vậy cách giải thích này cần được xem xét thêm.

Cũng trong bài viết này, tác giả dẫn thêm một cách giải thích tên gọi Tàu Ô khác và xem rằng đây là cách lý giải hợp lý nhất:

*“...Tác giả Nguyễn Nguyên trong một khảo cứu của mình đã giải thích rằng do người Việt Nam thường gọi Trung Quốc là nước Ngô, người Ngô, giặc Ngô và dùng khá phổ biến trong văn bản trước thế kỷ XX (như Bình Ngô đại cáo, Giặc bên Ngô không bằng bà cô bên chồng); nên Tàu Ô có thể là do biến âm/hay đúng hơn là phát âm từ chữ Tàu Ngô [吳船] (Ngô Tàu: tàu của nước Ngô, tàu Ngô) mà thành. Theo tác giả, nước Ngô chính là nước Đông Ngô của Tôn Quyền thời Tam Quốc (220-280) ở Trung Quốc, địa bàn gồm các tỉnh Quảng Đông, Phúc Kiến, An-Huy, Triết-Giang ngày nay, sát với Biển Đông ở Việt Nam. Trong các phương ngữ của vùng này (tiếng Hẹ, tiếng Quảng Đông, tiếng Phúc Kiến, tiếng Quan thoại), chữ Ngô [吳] được phát âm thành U và Ô. Vì vậy, chữ Ngô Tàu đã được phát âm thành Ô Tàu (nhưng vẫn mang nghĩa là tàu của nước Ngô, tàu Ngô), và được người Việt gọi là Tàu Ô cho đến cuối thế kỷ XIX. Cách lý giải này xem ra là hợp lý nhất...”*⁴

Thật ra thì đây lại là cách lý giải thiếu căn cứ nhất.

² Huỳnh Tịnh Paulus Của, Đại Nam Quốc âm Tự vị, tome II, Saigon Imprimerie RAY, CURIOL & Cie, 1896, trang 349

³ Nguyễn Quang Trung Tuyền, Về tên gọi hải tặc Tàu Ô, <http://baodanang.vn/channel/5433/201209/ve-ten-goi-hai-tac-tau-o-2193684/>

⁴ Nguyễn Quang Trung Tuyền, tài liệu đã dẫn.

Cần lưu ý rằng trong tổ hợp từ *Tàu Ô* thì chữ *Tàu* là từ thuần Việt được các cụ ta ngày xưa sáng tạo thành chữ Nôm theo lối hài thanh, gồm bộ *chu* 舟 ghép với âm *tào* 曹 để có chữ *tàu* 艚 có nghĩa là tàu, thuyền. Trong chữ Hán cũng có một chữ viết là 艚 cũng có nghĩa là thuyền, nhưng đọc là *tào*. Vì vậy cho nên trong chữ Hán hoàn toàn không thể có tổ hợp từ *Tàu Ngô* (trong đoạn trích trên tác giả lại viết sai thành 吳船 : *ngô thuyền*) mà chỉ có *ngô tào* 吳艚 hoặc *ngô thuyền* 吳船; và cũng không có tổ hợp từ *ô tàu hải phi* như trong đoạn trích trước đó theo ý kiến của nhà nghiên cứu Phạm Hoàng Quân, mà chỉ có *ô thuyền hải phi* hay *ô tào hải phi*. Do chữ *tàu* là từ thuần Việt nên tổ hợp từ *Tàu Ô* chỉ là cách gọi bọn hải tặc Trung Hoa theo lối nói của dân chúng người Việt. Đương nhiên tổ hợp từ này được cấu tạo theo lối chính trước (*tàu*), phụ sau (*ô*), của ngữ pháp tiếng Việt. Vì vậy cho nên trong sử sách chính thống, quan phương của triều Nguyễn thường chỉ có tên gọi *Thanh Thuyền hải phi* 靑船海匪 để chỉ bọn cướp biển người Trung Hoa, ít khi dùng từ *Tàu Ô*. Hiểu điều này để tránh không nên phí công đi tìm ý nghĩa hai chữ *Tàu Ô* trong sách vở văn từ của Trung Quốc.

Còn chữ *Ô* trong từ *Tàu Ô* là một từ Hán Việt. 烏, bộ phiệt 丿 có nghĩa chính là con quạ, màu đen và trong nhiều trường hợp là họ Ô... Như vậy, cũng tương tự như từ *ngựa ô*, từ *Tàu Ô* chỉ những chiếc tàu sơn màu đen hung dữ và góm ghiếc của bọn hải tặc.

Tuy nhiên, cũng về tên gọi *Tàu Ô*, Nguyễn Thiệu Lâu trong 3 bài viết đăng trong Quốc sử tạp lục lại có cách hiểu khác:

*“...Tên gọi Tàu Ô là vì bọn giặc biển có những tàu đặc biệt, chia ra làm nhiều ô, tàu không chạy bằng máy nhưng có 3 cột buồm rất lớn và độ 50 người chèo. Tàu làm bằng gỗ, có đánh đai sắt. Tàu có 3 tầng, tầng dưới sâu để chứa nước uống, thực phẩm, nuôi súc vật... và chứa súng đạn. tầng giữa là các căn người ở; ở hai mên mạn thuyền có những lỗ hồng cao quá mặt nước một ít để cho mái chèo từ trong thò ra ngoài. Các thủy thủ cứ theo tiếng cồng của người chỉ huy mà ngã người ra chèo. Tầng trên mắc súng đại bác và là chỗ để đánh nhau... Trong tàu có nhiều ô con bằng gỗ kiên cố. nếu tàu bị bắn hay bị thủng vì va vào núi thì chỉ một ô bị ngập nước mà thôi, tàu vẫn có thể đi được và thủy thủ có thể hàn gắn lỗ thủng rất nhanh...”*⁵

⁵ Nguyễn Thiệu Lâu, Quốc sử tạp lục. NXB. Mũi Cà Mau, 1994, tr. 410. Từ *Ô* hiểu theo nghĩa này được Nguyễn Thiệu Lâu nhắc lại nhiều lần trong sách này ở các trang 428, 493...

Ở đây chữ Ô được hiểu là những ô con trong thân tàu ở tầng dưới và tầng giữa chứ không chỉ màu sắc (đen). Còn chữ *Tàu* chỉ đơn giản là tàu, thuyền chứ không chỉ người Tàu, người Trung Hoa. Đây là một cách giải thích có thể tham khảo nhưng chưa thể tin theo hoàn toàn.

Để đi đến một cách hiểu đầy đủ về tên gọi Tàu Ô, cần tìm hiểu thêm về hình dáng và màu sắc các tàu thuyền của bọn cướp biển. Bộ Thực Lục của triều Nguyễn có những ghi chép đáng lưu ý.

Năm Gia Long thứ 6, Đinh Mão 1807, tháng 3, Tổng đốc Lương Quảng gửi thư cho Bắc thành nói bọn giặc biển tỉnh Mân nước Thanh là Thái Khiêm và Chu Phần bị quan quân truy đánh chạy trốn ra biển, thuyền giặc đều *mũi xanh, cột buồm đỏ*, yêu cầu phát hiện và giúp đón bắt.⁶

Nhưng 30 năm sau, hình dáng tàu thuyền bọn cướp đã thay đổi. Tháng tư năm Minh mạng thứ 19 (1838), có sớ tâu: “...Biển Khánh Hòa có một chiếc thuyền lớn của giặc nhà Thanh, hai bên sơn đen, mũi trước và hai má sắc đỏ, lái phía sau và hai bên ván giữa vẽ hình đầu rồng, hai lỗ để bắn đều đặt súng lớn. Gặp thuyền quan quân triều đình đánh nhau dữ dội rồi nhân đêm trốn thoát...”⁷ Điều này đã làm cho cả vua Minh mạng ngạc nhiên vì đây là thuyền to, có đáng lạ lại dám chống lại với thuyền nhà nước.

Như vậy Thực Lục cho thấy hình dáng và màu sắc các tàu thuyền của hải tặc thời Gia Long và thời Minh Mạng có khác nhau. Nhưng các tư liệu khác từ Thực Lục cũng cho thấy *từ thời Minh Mạng về sau, hình dáng và màu sắc các tàu thuyền của hải tặc Trung Hoa thường là thân tàu sơn đen, hai bên má tàu trước mũi sơn màu đỏ, thân có các lỗ đặt đại bác*... Chính vì hình dáng màu sắc này mà vua Minh mạng đã ra lệnh cho tất cả các thuyền của dân chài vùng biển Bắc bộ phải sơn má thuyền màu xanh và vẽ các dòng chữ quy định trên buồm để phân biệt với tàu thuyền của bọn cướp biển.

Tất nhiên có phải vì thân tàu của bọn hải tặc thường sơn màu đen mà có tên gọi là giặc Tàu Ô hay không thì cần phải tiếp tục nghiên cứu thêm. Không thể vội vàng kết luận với ngần ấy cứ liệu được.

Hải tặc Trung Hoa đã xuất hiện ở biển Đông và quấy nhiễu các tàu thuyền Việt nam từ lúc nào là vấn đề cần được tiếp tục nghiên cứu thêm nhưng lần đầu tiên sách sử triều Nguyễn ghi chép việc tiêu trừ giặc biển Trung Hoa là sự kiện chúa Trịnh Căn sai trấn thủ Tuyên-Hưng là Lê Huyền đem quân hội đồng với nhà Thanh đánh giặc biển ở Yên Quảng là bọn Phương Vân Long và

⁶ Quốc Sử Quán triều Nguyễn, Đại Nam Thực Lục. NXB. KHXH. Hà Nội, 1974, tập 3, trang 331

⁷ Quốc Sử Quán triều Nguyễn, Đại Nam Thực Lục. NXB. KHXH. Hà Nội, 1974, tập 19, trang 136

Tân Ân Sùng vào tháng 4 năm Canh ngọ, 1690. Ta bắt được Ân Sùng và đồ đảng hơn 200 người, giải giao cho tướng nhà Thanh là Diệp Thắng ở Long Môn⁸. Đáng lưu ý là trong suốt gần 200 năm tồn tại cát cứ ở Đàng Trong, các chúa Nguyễn hầu như không bận tâm lắm về hoạt động của bọn hải tặc Trung Hoa cũng như các bọn hải tặc người nước khác. Bộ Thực Lục của triều Nguyễn, phần Tiền biên không có mấy ghi chép về hoạt động của bọn cướp biển, ngược lại, hoạt động thương mại giữa Đàng Trong với thương thuyền Trung Hoa đã diễn ra sinh động.

Tất cả những sử liệu hiện có cho phép nhận định là hải tặc Trung Hoa xuất hiện từ lâu đời nhưng đã hoạt động mạnh ở biển Đông từ sau khi ở Trung Quốc, nhà Minh bị Mãn Thanh đánh đổ dẫn đến hoạt động của các nhóm phản Thanh phục Minh. Sau khi cứ điểm Đài Loan của Trịnh Thành Công bị Mãn Thanh khuất phục, đánh dấu sự thất bại hoàn toàn của phong trào phản Thanh phục Minh, những người Trung Hoa không chịu khuất phục Mãn Thanh đã dong buồm ra khơi. Có người đến cư ngụ ở các nước khác, lập thành những cộng đồng di dân người Hoa, hình thành những khu phố Tàu sầm uất. Có người sống bất hợp pháp bằng nhiều hoạt động trên biển, lúc trú ngụ trên các đảo hoang, lúc ra vào buôn bán trong các cảng biển nước ngoài. Một bộ phận trong họ do túng cùng đã trở thành hải tặc, chọn nghề ăn cướp như một phương thức sinh nhai. Điều này đã được Phan Trần Chúc khái quát như sau:

*“...Ở bể, lúc đầu còn giữ được những hành vi minh chính. Nhưng lâu ngày, chí phục quốc dần dần nguội lạnh mà lương thực cũng hết, họ phải xoay ra cướp các thuyền buôn làm kế sinh nhai. Từ địa vị là nhà chí sĩ, họ trở nên những toán giặc bể vùng vẫy tại miền duyên hải của Trung Quốc và Việt Nam. Nhà của họ là những chiếc thuyền đình cực lớn mà người Việt nam gọi là Tàu Ô. Hành vi của họ là cướp của, giết người. Từ đời này qua đời khác, bọn khách Tàu Ô chuyên sống một cuộc đời trôi nổi trên mặt bể khơi. Nếu họ lên bộ chỉ là để cướp phá làng mạc; có khi bắt cả đàn bà, trẻ con mang bán cho dân các tỉnh miền Nam nước Tàu làm thê thiếp...”*⁹

Vùng hoạt động của bọn cướp biển Trung Hoa ngày càng mở rộng. Lúc đầu chúng chỉ quấy nhiễu ở vùng biển Quảng Yên, sau loang ra cả vùng vịnh Bắc bộ và đến thời triều Nguyễn, nhất là dưới thời vua Tự Đức thì chúng tung hoành khắp biển Đông, cả ở vùng vịnh Thái Lan.

⁸ Quốc Sử Quán triều Nguyễn, Khâm định Việt sử thông giám Cương mục. NXB. Giáo dục 1998, trang 362

⁹ Phan Trần Chúc, Bù Viện với cuộc duy tân của triều Tự Đức. NXB. Văn hóa thông tin, Hà Nội 2000, trang 68, 69

Đến giữa thế kỷ XIX, tình hình chính trị, xã hội của Trung Quốc ngày càng thêm rối ren, pháo hạm phương tây liên tục đe dọa, buộc triều đình Mãn Thanh liên tục nhượng bộ, ký những hòa ước bất bình đẳng. Bộ máy chính quyền các địa phương và lực lượng tuần duyên của Mãn Thanh ngày càng suy yếu trầm trọng... Tất cả những diễn biến này càng làm gia tăng hoạt động của các nhóm hải tặc Trung Hoa. Trên mặt biển, chúng tấn công cả các đoàn thuyền vận tải của nhà nước làm nhiệm vụ vận chuyển hàng hóa, của cải từ kinh đô đến các cảng biển ở Bắc Kỳ và Nam Kỳ. Các thuyền buôn Trung Hoa cũng trở thành đối tượng cướp bóc của chúng. Trên bờ, chúng tấn công các làng xã ven biển, cướp lương thực, tài sản và bắt cóc phụ nữ, trẻ em.

Các tư liệu lịch sử cho thấy trong các toán hải tặc đi cướp bóc có sự tham gia khá tích cực của phụ nữ và trẻ em. Trong lá thư của giám mục Retord, giám mục Acanthe và phó đại diện Tông tòa giáo phận Tây Đàng Ngoài gửi các vị giám đốc Chung viện Hội Truyền giáo Nước ngoài ở Paris ngày 2 tháng 5 năm 1850 do Yoshiharu Tsuboi trích dẫn ghi rõ: “...Năm ngoái (1849), toàn vùng duyên hải Đàng Ngoài và Đàng Trong bị bọn giặc ấy cướp phá; chúng đi từng đoàn từ 50 đến 60 chiếc ghe, trong đó có những ghe nhỏ của phụ nữ, trẻ con để chở những vật đã cướp được và những ghe lớn được vũ trang đầy đủ, có đông người để đánh nhau và tiếp tục cướp bóc nữa...”¹⁰

Viên Lãnh sự Pháp ở Quy Nhơn trong một lá thư gửi Thống đốc Nam Kỳ đề ngày 4 tháng 4 năm 1879 đã mô tả phương thức tấn công cướp bóc của bọn hải tặc: “...Bởi vì người Việt nam bị cấm mang vũ khí, nếu vi phạm sẽ bị trừng trị rất khắc nghiệt, nên chỉ cần vài khẩu súng cũng có thể dễ dàng khuất phục những người trên ghe và chiếm ghe. Bọn hải tặc có một thuyền buồm, y hệt như những thuyền buồm bình thường của người Hoa. Thuyền này dùng làm kho chứa hàng; nó ngược xuôi ven bờ biển và phóng những chiếc ghe nhỏ kiểu Việt Nam đi khắp mọi hướng, mỗi chiếc có vài người mang vũ khí. Nhìn từ xa, những chiếc ghe này không có gì đáng nghi ngờ. Khi thấy một chiếc ghe có thể bị đánh cướp, chúng tới gần, yêu cầu ghe kia dừng lại, và nếu chủ ghe không lập tức vâng lời, bọn cướp nổ súng; nếu có người bị thương hay không, người trên ghe bị tấn công kinh hoàng, cảm thấy bị uy hiếp, đành phải từ bỏ mọi ý đồ kháng cự. Chiếc ghe bị chiếm cùng những người trên ghe lập tức được đưa đến chiếc thuyền buồm. Nghe súng nổ, thuyền buồm cũng xấp lại gần nơi giao chiến. Hàng hóa có giá trị bị bọn cướp đem lên thuyền, sau đó chiếc ghe và người trên ghe được thả tự do...”¹¹

¹⁰ Yoshiharu Tsuboi, Nước Đại Nam đối diện với Pháp và Trung Hoa. NXB. Trẻ TP. HCM, 1999, trang 168.

¹¹ Yoshiharu Tsuboi. Tài liệu đã dẫn, trang 171.

Trong nhiều trường hợp bọn hải tặc giết chóc nạn nhân tàn nhẫn. Thực Lục cho biết vào tháng 6 năm 1842, đời vua Thiệu Trị, bọn hải tặc Trung Hoa là Mạc Mậu Sơn, Tô Lão Tứ, Phan Tiến Long đã tấn công thuyền vận tải của triều đình do Lê Công Bảo chịu lệnh vận chuyển hàng hóa qua vùng biển Hà Tĩnh. Bọn cướp bắt được Công Bảo, tự tay Tô Lão Tứ và Tiến Long đã mổ bụng Công Bảo lấy bong bóng nướng nhắm rượu. Ba tháng sau, thuyền quân triều đình đã bắt được bọn chúng, vua Thiệu Trị đã sai người mổ bụng Lão Tứ và Tiến Long lấy gan tể hồn cho Vệ úy Lê Công Bảo¹². Một tư liệu khác cũng cho thấy mức độ khát máu của bọn hải tặc Trung Hoa: “...*Thuyền Thạch Dương của triều đình đi đóng thú phương nam trở về qua vùng biển Quảng Ngãi gặp 27 chiếc thuyền của bọn cướp biển người Thanh là Lâm Chương bao vây, đánh giết hơn 300 người, bị giặc bắt sống 51 người, quan quân các tướng chỉ huy đều bị giết...*”¹³ Về sau, Lâm Chương bị quan quân bắt, bọn chúng 5 tên bị giải ra biển moi gan tể sống các tướng quân triều đình tử nạn lúc trước.

Một trong các thủ đoạn của bọn cướp biển là chúng thường giả dạng các thuyền đánh cá của dân thường hoặc thuyền đi buôn hợp pháp để khi có cơ hội là chúng ra tay cướp bóc và chém giết. Bọn cướp biển trong vùng biển Bắc bộ thường sử dụng thủ đoạn này. Chúng đã gây nhiều khó khăn cho quan quân trong việc tiêu trừ. Trong lá thư đề ngày 30 tháng 5 năm 1877, viên Lãnh sự Pháp ở Hà Nội là Kergaradec đã than thở về tình trạng này: “...*Theo kinh nghiệm chúng tôi biết, việc truy kích hải tặc ở vùng biển này, than ôi, đối với tàu tuần tiễu của ta là công việc tế nhị biết đường nào, trừ khi bắt chúng được quả tang. Thật vậy, phần lớn thuyền buôn của người Hoa đều có vũ trang; tất cả đều hợp lệ: nếu chỉ nhìn vào giấy tờ càng khó phân biệt, bởi vì nhiều chiếc chỉ thỉnh thoảng gặp dịp mới cướp bóc...*”¹⁴

Như trên đã nêu, thành phần xuất thân ban đầu của bọn cướp biển Trung Hoa có một bộ phận quan trọng là những người bất hợp tác với chính quyền Mãn Thanh hoặc những người từ các tổ chức chống đối Mãn Thanh bị thất bại, tan rã, do hoàn cảnh đã mưu sinh bằng nghề ăn cướp trên biển. Về sau, tình hình Trung Quốc ngày càng loạn lạc, kinh tế xã hội suy thoái và bất ổn, số dân nghèo ly tán ở các vùng ven biển gia nhập cướp biển ngày càng đông. Trong số đó có cả số giang hồ lưu manh và bọn tay chân của các bang đảng, hội kín...mang màu sắc chính trị, tôn giáo đã thoái chí, bỏ ra biển ăn cướp. Vì vậy mà hoạt động của cướp biển Trung Hoa trên vùng biển Đông ngày càng tảo tợn về tính chất và to lớn về quy mô, cường độ. Tình hình này được phản ánh khá rõ nét trong các

¹² Đại Nam Thực Lục, tài liệu đã dẫn, tập 24, trang 225, 226

¹³ Đại Nam Thực Lục, tài liệu đã dẫn, tập 24, trang 350, 351

¹⁴ Yoshiharu Tshuboi. Tài liệu đã dẫn, trang 170

diễn biến hoạt động của bọn hải tặc Trung Hoa dưới thời triều Nguyễn. Thời Gia Long, bọn hải tặc không dám lộng hành. Thời Minh Mạng, cường độ hoạt động của chúng tăng lên rõ rệt, nhất là thời gian từ năm 1830 trở đi khi triều Nguyễn phải lo đối phó với sự biến Phiên An của Lê Văn Khôi và tiếp sau đó là cuộc chiến tranh Việt-Xiêm với nhiều tổn phí, dù phần thắng thuộc về triều Nguyễn. Mấy năm cầm quyền của Thiệu Trị là thời gian nhọc nhằn với hai hoạt động quân sự diễn ra trên đất Chân Lạp và trên biển Đông. Bọn hải tặc Trung Hoa lúc này hoạt động táo tợn hơn, quy mô lớn và gây thiệt hại nặng nề hơn. Sang thời Tự Đức, hải tặc Trung Hoa trở thành vấn đề an ninh quốc gia nghiêm trọng cùng với dã tâm xâm lược của quân Pháp, sự quấy nhiễu dai dẳng của bọn Thanh phi trên vùng thượng du Bắc Kỳ và sự nổi dậy chống lại triều đình của các thủ lĩnh nông dân trong khắp 3 kỳ. Hoạt động của bọn hải tặc Trung Hoa lúc này diễn ra thường xuyên hàng ngày, quy mô to lớn và độ tàn nhẫn, khát máu gấp nhiều lần hơn trước. Chúng ăn cướp cả trên bờ, dưới biển. Chúng tấn công, triệt hạ cả một làng, giết chóc, hãm hiếp, bắt cóc nhiều người mà quan quân trú phòng ở các làng bên vẫn không dám tiếp cứu. Chúng cướp thuyền chài, thuyền buôn, thuyền nhà nước chở hoá vật, tấn công cả thuyền quân sự của triều đình và ăn cướp ngay cả những thuyền buôn Trung Hoa đồng hương của chúng. Chúng ngang nhiên tung hoành khắp các vùng biển, từ Quảng Yên, Thuận An, Phan Thiết, Bình Thuận đến Hà Tiên, Phú Quốc. Thậm chí chúng đã liên kết với cuộc nổi dậy của Lê Duy Phụng mưu đồ chính trị:

“...Đến năm Tự Đức thứ 17, Giáp tý (1864), Lê Duy Phụng mưu xâm phạm đô thành Phú Xuân, do đường biển tiến vào cửa Thuận An...Duy Phụng hợp với bọn giặc Thanh và thổ phi đảo Cát Bà, thuyền bè rợp trời, do đường biển tiến đến Bím Sơn ở Nghệ An...”¹⁵

Nhiều lần bọn hải tặc kéo binh thuyền tấn công cả các tỉnh thành:

“...Năm ấy (1873), giặc biển tên Hồng, tên Vạn, với đội chiến thuyền 500 chiếc, xuôi dòng sông trắng đến xâm phạm tỉnh Quảng yên...”

“...Tự Đức năm thứ 27, Giáp tuất (1874), tên giặc biển Hồ Vạn đem đồ đảng mấy vạn người đến đánh Hải Dương. Tỉnh quan thua luôn...”¹⁶

Khi tấn công cướp phá trên bờ, hải tặc Trung Hoa đã liên lạc với những nhóm người Hoa định cư ở địa phương để làm tay trong cho chúng. Trong lần tấn công cảng Trà Lý ở Nam Định, mấy mươi thuyền vũ trang của bọn hải tặc đã

¹⁵ Giá Sơn Kiều Oánh Mậu, Bản triều Bản Ngịch liệt truyện. Tủ sách Viện Khảo Cổ, Bộ Quốc gia Giáo dục, Sài Gòn 1963, trang 127

¹⁶ Giá Sơn Kiều Oánh Mậu, tài liệu đã dẫn, trang 200, 201

được những người Hoa cư ngụ ở phố Thiên Kiều dẫn đường vào và cùng ra sức tấn công làm quan quân ở đây phải bỏ đồn mà chạy.¹⁷

Tóm lại, hải tặc Trung Hoa là vấn nạn an ninh quốc gia của vương triều Nguyễn. Khác với các nhóm hải tặc từng có mặt trong lịch sử biển Đông như hải tặc người Java, người Đồ Bà hoặc như các nhóm Oa khấu (hay Nuy khấu tức hải tặc Nhật Bản), hải tặc Trung Hoa thời triều Nguyễn có nguồn gốc, đặc điểm, tính chất có thể khái quát như sau:

- Thành phần, xuất thân của chúng khá đa dạng, trong đó đông đảo nhất là những người lao động nghèo, nạn nhân của tình hình suy thoái về kinh tế và biến động xã hội ở Trung Quốc. Trong chúng, lúc đầu có sự tham gia của một số cá nhân là dư đảng của các tổ chức chính trị, tôn giáo chống chính quyền Mãn Thanh nhưng thất bại. Khi đã trở thành cướp biển, bọn chúng dù xuất thân từ thành phần nào, cũng đều đánh rơi lý tưởng chính trị, tôn giáo để nhanh chóng trở thành những nhóm hải tặc tham lam, tàn nhẫn và khát máu.
- Hình dáng tàu thuyền của chúng so với thuyền buôn và thuyền chài của người Việt, người Trung Quốc không có sự khác biệt rõ rệt và cố định. Thời Gia Long và trước đó là các thuyền có tên gọi Tề Ngôi, căn cứ vào hình dáng cột buồm. Từ thời Minh mạng về sau bọn chúng được gọi chung là giặc Tàu Ô, với đặc trưng là những ghe thuyền to lớn, có đông thủy thủ và nhiều đại bác; trong thân tàu thuyền thường có những ô nhỏ chứa hàng hoá, súc vật...rất tiện lợi hàn gắn khi đáy thuyền bị thủng do sự cố. Hình dáng chung của tàu thuyền cướp biển Trung Hoa là những con tàu sơn đen. Hai bên má của mũi tàu sơn đỏ. Nhưng bọn cướp biển luôn giả trang thành tàu thuyền thường dân để dễ dàng trà trộn và cướp bóc.
- Phương thức tổ chức đánh cướp của chúng khá đa dạng và phức tạp. Thường xuyên là chúng cho những thuyền nhỏ có vũ trang, hình dáng như tàu thuyền thường dân để thuận tiện tiếp cận mục tiêu rồi bất ngờ ra tay tấn công với ưu thế mạnh hơn về vũ khí và hỏa lực. Sau khi đánh cướp thắng lợi chúng mới giải người và chuyển hàng hoá cướp được về thuyền lớn. Hoặc chúng triệt để tạo cho mình vỏ bọc hợp pháp để tránh sự theo dõi của quan quân triều đình. Lúc thường chúng vẫn đánh bắt hải sản hoặc vận chuyển hàng hoá, ra vào cảng thị buôn bán như người lương thiện nhưng khi có cơ hội là chúng ra tay đánh cướp và phi tang mọi dấu vết. Hoặc chúng kết thành đám đông, tập

¹⁷ Giá Sơn Kiều Oánh Mậu, tài liệu đã dẫn, trang 223

kích vào các làng chài ven bờ, nhanh chóng cướp bóc, hãm hiếp, bắt cóc đàn bà, trẻ con rồi dong thuyền ra khơi, hoặc chạy trốn đi nơi khác, hoặc dẫu mình trong các sào huyệt là các hoang đảo. Táo tợn hơn, chúng còn móc nối với những tên người Hoa lưu manh trong các nhóm người Hoa đã định cư trên bờ để bọn này dẫn đường và tiếp tay đánh cướp các cảng biển, chiếm đoạt tiền vàng, của cải của nhà nước trong các quan, tẩn, trấn thành.

- Vùng hoạt động của chúng trải khắp vùng thềm lục địa Việt Nam, từ Quảng Yên đến Hà Tiên, Phú Quốc. Sào huyệt của chúng là mặt biển bao la. Kho tàng, doanh trại của chúng đặt trên các đảo vắng người trên vịnh Bắc bộ hoặc duyên hải Trung Kỳ hay vùng biển Hà Tiên, Phú Quốc. Trên các đảo này, chúng lập các xưởng sửa chữa tàu thuyền, rèn đúc khí giới, đào giếng tích trữ nước ngọt, thậm chí khai hoang trồng cây và chăn thả gia súc.
- Vũ khí, phương tiện của chúng thường tối tân và có hỏa lực mạnh hơn quan quân triều đình với cả những khẩu đại bác tinh xảo nhất đương thời. Trước hết đó là số vũ khí, trang bị chúng mang theo khi các tổ chức chính trị, tôn giáo chống Mãn Thanh tan rã. Những số này theo thời gian được thay thế, bổ sung bằng hai nguồn: từ số cướp được của quan quân triều đình Việt Nam hay Trung Quốc, hoặc từ số chúng dùng vàng bạc, châu báu cướp được mua vũ khí trang bị mới từ bọn lái súng người Âu, vốn lúc này đang hoạt động khá tích cực trên khắp vùng duyên hải Trung Hoa. Chính Tự Đức và triều đình Huế đã chú ý và cố gắng khai thác nguồn vũ khí đó qua các thương gia người Hoa có đi lại với bọn lái súng người Âu để trang bị cho các tàu tuần duyên vốn quá lạc hậu của mình¹⁸

Với nguồn gốc, xuất thân và đặc điểm tính chất như trên, hải tặc Trung Hoa đã làm mưa làm gió trên biển Đông Việt Nam suốt thời vương triều Nguyễn. Quan quân triều đình đã hao tốn biết bao công sức nhưng vấn nạn này vẫn không được giải quyết triệt để. Quá trình đấu tranh tiêu trừ, tiêu diệt hải tặc Trung Hoa của quan quân triều Nguyễn trên biển Đông có đủ mùi vị của thất bại và thành công, từ đó toát lên những bài học lịch sử quan trọng trong hoạt động

¹⁸ Thực Lục có nhiều chỗ ghi chép về việc này. Tháng 7 năm 1860, Nguyễn Tri Phương đang là Tổng thống Quân vụ đại thần ở Gia Định đã đề nghị: "...Thuyền buôn nước Thanh ở các tỉnh có thứ súng ấy (đại bác đường kính từ 2 tấc 9 phân trở lên) nên thu mua bằng giá đắt..." (Thực Lục, tập 19, trang 130). Chủ trương này tạo được kết quả khá nhanh: ngay năm sau những thuyền buôn người Hoa ở Phú Yên đã mua súng lớn dâng nộp, được vua miễn thuế nhập cảng. Một thương gia người Hoa khác là Kim Thụy Điền đã nộp 2 cỗ súng lớn và được giảm thuế nhập cảng (Thực Lục, tập 29, trang 236, 239). Tháng 6 năm 1864, một người Hoa là Hoàng Đình Quang lại đem nộp thêm 4 cỗ súng lớn nữa...(Thực Lục, tập 30, trang 97)

gìn giữ, bảo vệ chủ quyền và quyền chủ quyền của đất nước ta trên vùng thềm lục địa. Đó sẽ là nội dung của một báo cáo khoa học khác.

HND

14 tháng 4 năm 2014

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Giá Sơn Kiều Oánh Mậu, Bản triều Bận Ngịch liệt truyện. Tủ sách Viện Khảo Cổ, Bộ Quốc gia Giáo dục, Sài Gòn 1963
2. Nguyễn Thiệu Lâu, Quốc sử tạp lục. NXB. Mũi cà Mau, 1994
3. Quốc Sử Quán triều Nguyễn, Đại Nam Thực Lục. NXB. KHXH. Hà Nội
4. Quốc Sử Quán triều Nguyễn, Khâm định Việt sử thông giám Cương mục. NXB. Giáo dục 1998
5. Yoshiharu Tshuboi, Nước Đại Nam đối diện với Pháp và Trung Hoa. NXB. Trẻ TP. HCM, 1999